

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22-11-2019

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm; Ông Nguyễn Tất Bấy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: /2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vương Thị T**, sinh năm 1983 (Có mặt)

Bị đơn: Anh **Bế Văn Th**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vương Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Bế Văn Th vào năm 2005. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Ngạn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn A, xã H, huyện L. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th ham chơi bời, rượu chè, không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên đánh đập bạo hành vợ con. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Th vẫn không thay đổi, sửa chữa. Chị và các con về nhà ngoại sinh sống từ tháng 7/2017, vợ chồng không quan hệ tình cảm với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy không thể

duy trì cuộc sống vợ chồng được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bé Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung là Bé Văn T1, sinh ngày 30/12/2003 và Bé Bảo Tr, sinh ngày 02/01/2013. Về vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con thì chị và anh Bé Văn Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Bé Văn Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Vương Thị T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Bé Văn Th đến làm việc nhưng anh Th đều vắng mặt.

Ngày 27/5/2019 Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Bé Văn Th, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại địa chỉ cư trú của anh Th, tại UBND xã H và trụ sở Tòa án theo quy định. Hết 15 ngày kể từ ngày giao và niêm yết thông báo thụ lý vụ án nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh Bé Văn Th.

Ngày 10/6/2019 Tòa án niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bé Văn Th.

Ngày 27/6/2019 Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vì anh Th vắng mặt tại phiên hòa giải.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2019 tại thôn A, xã H, huyện L. Ông Vương Văn Chiêu là Trưởng thôn A cho biết: Vợ chồng chị Vương Thị T, anh Bé Văn Th sau khi kết hôn đã chung sống tại thôn A, xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thế nào thì ông không nắm được nhưng nhiều lần Ban quản lý thôn phải đến can ngăn, hòa giải vì anh Th – chị T thường xảy ra xô sát. Anh Th là người thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con, một mình chị Thủy phải lo cho gia đình nên rất vất vả. Hiện nay anh Th đang đi làm ăn xa nhà nhưng vẫn về nhà thường xuyên, anh Th vẫn đăng ký thường trú tại địa phương chứ chưa chuyển đi đâu khác.

Ngày 22/10/2019 Tòa án có Công văn số 222/CV-TA đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an và Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Bé Văn Th để xác định anh Th hiện nay có xuất cảnh đi nước ngoài không?

Ngày 01/11/2019 Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an có Công văn số 17796/QLXNC-P5 nêu rõ “Hiện không có thông tin về việc cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh đối với người tên Bé Văn Th, sinh năm 1981 với các thông tin nêu tại Công văn số 222/CV-TA ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”.

Do anh Bé Văn Th vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Th.

Ngày 22/10/2019 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ, đã giao và niêm yết các văn bản này cho anh Bé Văn Th theo đúng quy định.

Ngày 07/11/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hoãn phiên tòa vì anh Bé Văn Th vắng mặt không lý do lần thứ nhất, đồng thời Tòa án niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số /2019/QĐST-HNGĐ tại địa chỉ cư trú của anh Bé Văn Th, tại trụ sở UBND xã H và trụ sở Tòa án, ấn định thời hạn mở lại phiên tòa vào 13 giờ 30 phút ngày 22/11/2019.

***Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn là chị Vương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Bé Văn Th. Bị đơn là anh Bé Văn Th tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bé Văn Th trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều vắng mặt không lý do là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị T, cho chị Vương Thị T được ly hôn anh Bé Văn Th.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vương Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vương Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Bé Văn Th được ly hôn. Bị đơn anh Bé Văn Thanh là người có địa chỉ cư trú tại thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Bé Văn Th đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 07/11/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì anh Th vắng mặt không lý do, Tòa án đã đồng thời triệu tập, niêm yết lần 2 các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú của anh Th, tại UBND xã H và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 19/7/2019 đối với ông Vương Văn Chiêu là trưởng thôn A. Xác định hiện nay anh Th mặc dù đi làm xa nhưng vẫn về nhà thường xuyên, anh Th vẫn đăng ký thường trú tại địa.

Căn cứ công văn số 17796/QLXNC-P5 ngày 01/11/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an, xác định anh Bé Văn Th hiện không xuất cảnh sang nước ngoài.

Như vậy chứng tỏ anh Bé Văn Th vẫn cư trú tại địa phương, bản thân anh Th có biết Tòa án đang thụ lý, giải quyết việc chị Vương Thị T xin ly hôn với anh nhưng anh Th cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Bé Văn Th.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị T kết hôn với anh Bé Văn Th vào năm 2005. Trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời điểm vợ chồng chị T, anh Th xảy ra mâu thuẫn được xác định vào cuối năm 2017, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không quan tâm, chăm sóc cho vợ, con. Chị T và các con bỏ về gia đình bên ngoại sinh sống từ cuối năm 2017 đến nay, vợ chồng chị T, anh Th cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Xét thấy thời gian vợ chồng chị T, anh Th sống ly thân đã lâu (02 năm), chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Vương Thị T để xử cho chị T và anh Th được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Vương Thị T và anh Bé Văn Th có hai con chung là Bé Văn T1, sinh ngày 30/12/2003 và Bé Bảo Tr, sinh ngày 02/01/2013. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con do chị T là nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp: Do chị Vương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Vương Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vương Thị T được ly hôn anh Bế Văn Th

2. Về án phí: Chị Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0005483 ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Xác nhận chị Vương Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã H, huyện Lục Ngạn;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn